

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH  
NÔNG THÔN HẢI DƯƠNG  
MSDN: 0800419551

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74.3/BC-NSNT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 5 năm 2026.

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch

Với sự cố gắng nỗ lực quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, Công ty đã chủ động bám sát kế hoạch, linh hoạt ứng phó với khó khăn và hoàn thành đạt vượt mức hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025, cụ thể:

- Sản lượng nước sản xuất: Đạt 19,112 triệu m<sup>3</sup>, tăng 4,7% so với năm 2024, đạt 102,8% kế hoạch năm.
- Sản lượng nước thương phẩm: Đạt 16,016 triệu m<sup>3</sup>, tăng 5,6% so với năm 2024, đạt 102,7% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu 142,009 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2024 và đạt 101,1% so với kế hoạch, trong đó doanh thu nước sạch đạt 135,129 tỷ đồng, tăng 8,0% so với năm 2024, đạt 99,9% kế hoạch sau điều chỉnh (trước điều chỉnh đạt 101%).
- Tỷ lệ thất thoát: 16,2%, giảm 0,7% so với năm 2024 và đạt 100% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 10,529 tỷ đồng tăng 20,0% so với năm 2024 và đạt 104,5% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 9,697 tỷ đồng vượt 2,9% kế hoạch.
- Nộp ngân sách 5,490 tỷ đồng tăng 15,7% so với năm 2024 và đạt 109,8% kế hoạch năm.
- Phát triển khách hàng: Lắp đặt mới 2.050 đồng hồ, đạt 146,4% kế hoạch năm.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính: Đã trả nợ vay Ngân hàng Thế giới (WB) và UBND tỉnh tổng cộng 18,214 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 2,4% so cùng kỳ và đạt 101,2% kế hoạch.
- Công tác thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt phát triển vượt bậc: Tính đến hết tháng 12/2025 đã có 86.876 khách hàng chuyển khoản, tăng được trên 52.700 khách hàng (tăng 155%) so với cuối năm 2024, tính đến hết năm 2025 toàn công ty đã có trên 89,3% tổng số khách hàng sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt đạt 198,4% kế hoạch.

Về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã đạt và vượt kế hoạch, trong đó có nhiều chỉ nhánh đạt thành tích cao về chỉ tiêu doanh thu và tỷ lệ thất thoát;

### 2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 2.1. Những thuận lợi

Việc sáp nhập tỉnh Hải Dương vào thành phố Hải Phòng, tạo nên một không gian phát triển mở rộng và nhiều tiềm năng, Công ty đón nhận những thuận lợi và động lực mới, tạo đà cho sự phát triển bền vững;

- Việc sáp nhập đặt Công ty vào quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị - nông thôn đồng bộ của một thành phố cảng trọng điểm, trung tâm kinh tế động lực vùng Duyên hải Bắc Bộ. Mở ra cơ hội lớn để tiếp cận các chính sách ưu tiên, nguồn lực đầu tư mạnh mẽ hơn, và học hỏi, áp dụng các mô hình quản lý, công nghệ tiên tiến từ đô thị lớn, nhằm nâng tầm chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động;

- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt của Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cùng các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp, Công ty có điều

kiện thuận lợi để hoạch định chiến lược dài hạn, rõ ràng hơn. Sự phối hợp liên ngành trong quản lý tài nguyên nước, quy hoạch đô thị và phát triển hạ tầng hiệu quả, tạo hành lang pháp lý vững chắc và môi trường đầu tư thuận lợi;

- Tập thể lãnh đạo, quản lý và toàn thể người lao động Công ty luôn có tinh thần kỷ luật đoàn kết, thống nhất cao, với bề dày kinh nghiệm quản lý, vận hành hệ thống cấp nước nông thôn. Tinh thần chủ động, sẵn sàng tiếp thu những vấn đề mới, mạnh dạn thực hiện đầy nhanh các hoạt động ứng dụng công nghệ, nắm bắt cơ hội, áp dụng các giải pháp chuyển đổi số trong sản xuất, điều hành;

- Người dân trên địa bàn có mức sống và yêu cầu về chất lượng dịch vụ công ngày càng cao. Điều này vừa là áp lực cải thiện chất lượng nước, dịch vụ 24/7, vừa là động lực mạnh mẽ để Công ty không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là đơn vị cung cấp nước sạch tin cậy, chuyên nghiệp;

- Việc trở thành một phần của thành phố Hải Phòng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị cấp nước, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong khu vực và trên cả nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

### 2.2. Một số khó khăn

- Giá nước sạch hiện hành (*áp dụng từ 2017*) chưa được điều chỉnh, trong khi chi phí đầu vào (*điện, nhân công, vật tư, hóa chất...*) liên tục tăng cao, gây áp lực lớn lên hiệu quả sản xuất kinh doanh và hạn chế nguồn lực cho đầu tư thay thế, nâng cấp hạ tầng;

- Một số khu vực có thời điểm còn bị thiếu nước cục bộ nhất là vào các dịp nắng nóng, ngày nghỉ lễ, Tết do nhu cầu sử dụng của khách hàng tăng cao đột biến vượt quá năng lực cung cấp của hệ thống nhất là các khu vực xa, cuối nguồn, khu vực Công ty phải mua nước vì vậy chưa chủ động được nguồn cấp; gia tăng các sự cố điện, cắt điện cũng làm gián đoạn việc cung cấp nước sạch. Hệ thống đường ống cấp nước nhiều tuyến đã xuống cấp sau thời gian dài vận hành, đặc biệt các tuyến chôn sâu dưới nền đường bê tông gây khó khăn cho công tác kiểm tra, phát hiện và sửa chữa rò rỉ làm tăng tỷ lệ thất thoát nước sạch;

- Biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước thô, hiện tượng cạn kiệt hạ thấp mực nước nguồn, nhiễm mặn có xu hướng gia tăng vào thời điểm cuối năm, cũng gây nhiều khó khăn cho nhiệm vụ khai thác, sản xuất nước sạch, có thời điểm nhà máy phải tạm dừng khai thác. Thói quen sử dụng nước tiết kiệm và sử dụng kết hợp các nguồn nước khác tại khu vực nông thôn vẫn còn phổ biến, ảnh hưởng đến sản lượng thương phẩm bình quân/khách hàng;

- Trong năm 2025 hầu hết các địa phương đều đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống đường giao thông nông thôn cùng với đó Công ty liên tục phải thực hiện sửa chữa, di chuyển, nâng cấp hệ thống mạng đường ống cấp nước phục vụ GPMB trong khi không có kinh phí hỗ trợ, sự phối hợp trong triển khai các dự án này chưa được chặt chẽ phát sinh nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Tiến độ một số dự án đầu tư, cải tạo còn chậm do vướng mắc về thủ tục hành chính, quy hoạch đất đai, giải phóng mặt bằng tại địa phương.

### **BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất: nước sạch sinh hoạt	Triệu m <sup>3</sup>	15,590	16,016	
2	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	140,5	142,009	

3.D  
HUI  
14/11

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,08	10,529	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,422	9,697	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	5	5,49	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	0	0	
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		0	0	
8	Tổng số lao động	Người	316	322	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	32,635	33,626	
a)	Quỹ lương, thù lao quản lý	Tỷ đồng	0,719	0,818	
b)	Quỹ lương lao động và BĐH	Tỷ đồng	31,916	32,808	

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: **Không có**

### BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính: **Không có**

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3: **Không có**

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
<b>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
<b>2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Đặng Đức Thành**